

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

BÁO CÁO CHẤT LỘC
NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ

XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TINH THẦN
– ĐẠO ĐỨC XÃ HỘI

Thuộc Chương trình “Xây dựng Bộ chỉ số Đảm bảo an sinh Quốc gia”

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: TS. TRIỆU THANH QUANG

CƠ QUAN CHỦ TRÌ: VIỆN ĐỊA LÝ NHÂN VĂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hà Nội, tháng 8 năm 2025

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

**BÁO CÁO CHẤT LỘC
NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ**

**XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TINH THẦN
– ĐẠO ĐỨC XÃ HỘI**

Thuộc Chương trình “Xây dựng Bộ chỉ số đảm bảo an sinh Quốc gia”

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: TS. TRIỆU THANH QUANG

Các thành viên tham gia nhiệm vụ:

1. ThS. Nguyễn Thị Ánh Vân
2. TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
3. TS. Phạm Thị Thu Phương
4. TS. Nguyễn Ngọc Trung
5. PGS. TS. Trương Văn Món
6. PGS. TS. Phạm Quỳnh Phương
7. TS. Lê Thị Thu Hiền
8. ThS. Bùi Thị Kim Hương
9. CN. Đào Ngọc Minh Nhung
10. PGS. TS. Trần Sĩ Phán
11. ThS. Nguyễn Minh Hải
12. ThS. Nguyễn Đức Hoàn
13. TS. Phan Thị Song Thương

CƠ QUAN CHỦ TRÌ: VIỆN ĐỊA LÝ NHÂN VĂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hà Nội, tháng 8 năm 2025

I. THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ: Xây dựng Bộ chỉ số Phát triển văn hóa tinh thần – đạo đức xã hội
2. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Triệu Thanh Quang
3. Thời gian thực hiện: 18 tháng, từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025
4. Ngày nghiệm thu cấp Bộ: 18/7/2025
5. Tổ chức chủ trì: Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững

II. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA NHIỆM VỤ

1. Về cách tiếp cận, khung lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, tài liệu tham khảo (tính mới, tính cập nhật)

Thứ nhất, lần đầu tiên nghiên cứu đã thiết lập khái niệm “phát triển văn hóa tinh thần – đạo đức xã hội” như một phạm trù đo lường có thể định lượng, thay vì chỉ dừng lại ở các diễn ngôn định tính hay mô tả trừu tượng. Khái niệm này được xác lập trên nền tảng tiếp cận liên ngành, kết nối giữa các lý thuyết văn hóa, đạo đức và phát triển con người. Việc lượng hóa khái niệm này không chỉ giúp cụ thể hóa mục tiêu “xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện” mà còn đặt nền móng cho việc thể chế hóa các chỉ số liên quan đến đời sống tinh thần và chuẩn mực xã hội trong hệ thống giám sát phát triển quốc gia.

Thứ hai, nghiên cứu đã tích hợp có hệ thống nhiều lý thuyết hiện đại về đo lường tâm lý – xã hội, gồm: Lý thuyết nền tảng đạo đức (Moral Foundations Theory – Haidt & Joseph), Lý thuyết giá trị của Schwartz, và Lý thuyết vốn xã hội của Putnam. Sự kết hợp này tạo thành một khung chỉ số đa chiều, vừa phản ánh các yếu tố hành vi – thái độ – giá trị của cá nhân, vừa chú trọng đến cấu trúc và bối cảnh xã hội. Điều này không chỉ đảm bảo tính bao quát trong nội dung đo lường, mà còn nâng cao khả năng tương thích với các bộ chỉ số quốc tế như CDIS (UNESCO), World Values Survey (WVS), hay các hệ thống chỉ tiêu của OECD, Eurostat.

Thứ ba, nghiên cứu đã góp phần làm rõ và bổ sung quan trọng vào lý luận về an sinh quốc gia, đặc biệt là khía cạnh an sinh phi vật chất – một lĩnh vực còn thiếu vắng trong hệ thống đo lường hiện hành. Thay vì giới hạn an sinh vào các yếu tố kinh tế, y tế hay giáo dục, nghiên cứu này đã nhấn mạnh vai trò của giá trị đạo đức, sự hài lòng văn hóa và đời sống tinh thần như những yếu tố cốt lõi, có ảnh hưởng sâu rộng đến mức độ an sinh thực chất và bền vững. Quan điểm này không chỉ làm phong phú thêm nội hàm của khái niệm an sinh xã hội trong bối cảnh hiện đại, mà còn mở rộng định hướng cho các nghiên cứu và chính sách phát triển con người toàn diện, phù hợp với tinh thần của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc.

Về tài liệu tham khảo, báo cáo đã đảm bảo tính hệ thống và cập nhật của vấn đề nghiên cứu.

2. Về nội dung khoa học

Trong bối cảnh quốc tế và trong nước ngày càng coi trọng văn hóa, đạo đức và con người như những trụ cột nền tảng của phát triển bền vững, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam đã triển khai nghiên cứu và xây dựng thí điểm Bộ chỉ số Phát triển văn hóa tinh thần – đạo đức xã hội, thuộc Chương trình Xây dựng Bộ chỉ số Đảm bảo An sinh Quốc gia. Đây là bước đi tiên phong nhằm lấp đầy khoảng trống trong hệ thống đo lường các giá trị phi vật chất – vốn có vai trò then chốt nhưng thường bị bỏ qua trong các chỉ số phát triển truyền thống.

Dựa trên tổng quan cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và quốc tế, cùng với quá trình rà soát hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành và tham vấn chuyên gia, Bộ chỉ số Phát triển văn hoá tinh thần – đạo đức xã hội, thuộc Bộ chỉ số Đảm bảo An sinh Quốc gia, được đề xuất với hai hợp phần chính: Văn hoá tinh thần và Đạo đức xã hội, gồm 6 nhóm chỉ số thành phần.

Hợp phần văn hoá tinh thần phản ánh các chiều cạnh cốt lõi của đời sống văn hoá, bao gồm điều kiện tiếp cận, mức độ tham gia và sự hài lòng của người dân. Nhóm chỉ tiêu về điều kiện bảo đảm tiếp cận và tiêu dùng văn hoá đo lường hạ tầng, đầu tư công – tư và khả năng tiếp cận văn hoá của người dân thông qua các chỉ số như: tỷ lệ xã có trung tâm văn hoá – thể thao, số cơ sở thờ tự trên 10.000 dân, mức hưởng thụ sách bình quân, tỷ lệ hộ có ti vi, tỷ lệ hộ có thuê bao Internet băng rộng, chỉ tiêu công và xã hội hoá cho văn hoá, cũng như chỉ tiêu hộ gia đình cho văn hoá, giải trí, thể thao và tín ngưỡng. Nhóm chỉ tiêu về tham gia và tiêu dùng văn hoá tập trung vào số lượt tiếp cận thiết chế văn hoá, tham gia văn nghệ quần chúng và thời gian dành cho hoạt động đọc, xem nghệ thuật trực tiếp và tiêu dùng văn hoá số. Nhóm cuối cùng là chỉ tiêu định tính về mức độ hài lòng của người dân, đo bằng thang Likert, phản ánh cảm nhận chủ quan về cơ hội tiếp cận và thụ hưởng văn hoá.

Hợp phần đạo đức xã hội được xây dựng nhằm lượng hoá mức độ nhận thức, hành vi và cảm nhận đạo đức trong cộng đồng, trên cơ sở lý luận về “vốn đạo đức” như một yếu tố có thể tích lũy và đo lường được. Nhóm nhận thức đạo đức đo lường cảm nhận của người dân về công bằng, trật tự, tin cậy và liêm chính thông qua các chỉ tiêu như mức độ hài lòng với dịch vụ công, an ninh khu dân cư, mức độ tin cậy xã hội, cảm nhận về tham nhũng. Nhóm hành vi đạo đức phản ánh hành vi thực tế của người dân trong đời sống xã hội như tham gia thiện nguyện, đóng góp công cộng, hành vi liêm chính trong sử dụng dịch vụ công, và sự tồn tại của các khoản chi phí không chính thức. Nhóm cuối cùng là đánh giá mức độ hài lòng về môi trường đạo đức xã hội – một chỉ tiêu tổng hợp phản ánh cảm nhận chung của người dân về không gian đạo đức tại nơi sinh sống.

Mặc dù phần lớn các chỉ tiêu đã có sẵn dữ liệu ở cấp quốc gia từ các khảo sát như PAPI, PCI, World Happiness Index, nhưng việc mở rộng thu thập ở cấp tỉnh và xây dựng hệ thống khảo sát định kỳ là cần thiết để đảm bảo độ bao phủ và tính so sánh. Việc xây dựng và áp dụng Bộ chỉ số này không chỉ giúp lượng hoá toàn diện đời sống văn

hoá tinh thần và đạo đức xã hội, mà còn góp phần quan trọng vào hoạch định chính sách phát triển con người và bảo đảm an sinh xã hội một cách bền vững.

Kết quả đo lường chỉ số Phát triển văn hoá tinh thần – đạo đức xã hội cho thấy biến động của các chỉ tiêu cấu thành bộ chỉ số phát triển văn hoá tinh thần và đạo đức xã hội giai đoạn 2019–2021, cho thấy sự đối lập giữa hai hợp phần chính. Văn hoá tinh thần suy giảm mạnh trong năm 2020 do tác động của đại dịch COVID-19, đặc biệt ở mức độ tham gia/tiêu dùng và sự hài lòng của người dân, dù hạ tầng tiếp cận phục hồi nhanh hơn. Đến năm 2021, điểm số có dấu hiệu hồi phục nhưng chưa đạt mức trước khủng hoảng, cho thấy quá trình phục hồi còn chậm và thiếu bền vững. Ngược lại, đạo đức xã hội thể hiện sự ổn định và gia tăng, với nhận thức duy trì tương đối vững, hành vi đạo đức bùng nổ trong năm 2020 nhờ các hành động tương trợ cộng đồng, và mức độ hài lòng đạt kết quả tích cực ngay khi được bổ sung đo lường năm 2021. Chỉ số tổng hợp toàn bộ khung chỉ tiêu giảm trong 2020 nhưng phục hồi vào 2021, chủ yếu nhờ đóng góp ổn định của hợp phần đạo đức xã hội. Điều này cho thấy chính sách phục hồi sau khủng hoảng cần tập trung nhiều hơn vào củng cố đời sống văn hoá, bên cạnh việc phát huy các giá trị đạo đức vốn có tính bền vững hơn.

Ở cấp tỉnh, kết quả thử nghiệm đo lường chỉ số phát triển văn hoá tinh thần – đạo đức xã hội tại Ninh Bình và Quảng Nam cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa hai địa phương. Tổng điểm của Ninh Bình đạt 70,215, cao hơn nhiều so với 56,693 của Quảng Nam, chủ yếu nhờ vào hợp phần văn hoá tinh thần (38,644 so với 28,197). Ninh Bình vượt trội ở điều kiện hạ tầng, mức độ tham gia và sự hài lòng về thụ hưởng văn hoá, trong khi Quảng Nam thấp hơn rõ rệt ở các chỉ số này. Đối với hợp phần đạo đức xã hội, chênh lệch nhỏ hơn (31,571 so với 28,496): cả hai tỉnh đều có nền tảng nhận thức tốt, nhưng Ninh Bình nổi trội hơn về hành vi đạo đức, còn Quảng Nam lại có mức độ hài lòng về môi trường đạo đức cao hơn. Nhìn chung, sự khác biệt tổng thể giữa hai tỉnh chủ yếu bắt nguồn từ lĩnh vực văn hoá tinh thần, khẳng định tính hữu ích của bộ chỉ số trong việc phản ánh sự đa dạng vùng miền và gợi ý ưu tiên đầu tư vào hạ tầng, hoạt động văn hoá cộng đồng cũng như nâng cao chất lượng môi trường đạo đức xã hội.

Tổng thể, kết quả đo lường ở cả cấp quốc gia và cấp tỉnh cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của việc kết hợp giữa chỉ tiêu khách quan (hạ tầng, tiêu dùng) và chỉ tiêu chủ quan (mức độ hài lòng, cảm nhận đạo đức). Việc duy trì đo lường định kỳ và mở rộng phạm vi khảo sát sẽ là điều kiện cần thiết để theo dõi sự tiến bộ của các địa phương trong phát triển văn hoá tinh thần – đạo đức xã hội gắn với mục tiêu bảo đảm an sinh bền vững.

3. Về khả năng ứng dụng trong thực tiễn

Thứ nhất, nghiên cứu đã xây dựng và cung cấp một bộ công cụ khoa học hoàn chỉnh, có khả năng áp dụng thực tiễn để đánh giá định lượng mức độ phát triển văn hoá tinh thần – đạo đức xã hội theo không gian (giữa các địa phương) và theo thời gian (giai đoạn năm). Bộ chỉ số được thiết kế trên cơ sở khung lý thuyết chặt chẽ, áp dụng nguyên tắc SMART, chuẩn hóa dữ liệu bằng phương pháp Max–Min và gán trọng số bằng kỹ

thuật chuyên gia. Nhờ đó, công cụ này không chỉ bảo đảm tính khách quan và khả năng so sánh liên vùng mà còn có thể triển khai rộng rãi trong giám sát sự thay đổi đời sống văn hóa – đạo đức ở cấp địa phương một cách thường xuyên và hệ thống.

Thứ hai, bộ chỉ số là phương tiện hữu hiệu để hỗ trợ giám sát và đánh giá hiệu quả các chính sách văn hóa – xã hội đang được triển khai ở các cấp. Với các chỉ số định lượng rõ ràng, có khả năng cập nhật định kỳ và liên kết với các nguồn số liệu chính thức (TCTK, VHLSS, PCI, PAPI...), bộ công cụ cho phép các nhà quản lý theo dõi xu hướng, phát hiện kịp thời các dấu hiệu suy giảm về đạo đức xã hội hoặc bất bình đẳng trong thụ hưởng văn hóa. Qua đó, bộ chỉ số đóng vai trò cảnh báo chính sách, tạo điều kiện để các cơ quan chức năng điều chỉnh nội dung, phạm vi và đối tượng can thiệp một cách linh hoạt và phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

Thứ ba, bộ chỉ số góp phần cung cấp dữ liệu cơ sở khoa học, có giá trị thực chứng, phục vụ quá trình phân bổ nguồn lực công bằng và hiệu quả. Thông qua việc đo lường sự thiếu hụt về hạ tầng văn hóa, mức độ thụ hưởng văn hóa tinh thần, hay sự bất cập về đạo đức xã hội tại các vùng, miền, công cụ này giúp định vị chính xác các khu vực bị “bỏ quên” trong quá trình phát triển. Đây là cơ sở quan trọng để Chính phủ và các địa phương thiết kế chương trình ưu tiên đầu tư, hỗ trợ các nhóm yếu thế (người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người sống ở vùng sâu, vùng xa) theo đúng tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Thứ tư, nghiên cứu tạo nền tảng thuận lợi để lồng ghép các chỉ tiêu về văn hóa tinh thần – đạo đức xã hội vào hệ thống thống kê quốc gia. Với cấu trúc chỉ tiêu rõ ràng, đơn vị đo chuẩn hóa và khả năng thu thập từ các nguồn dữ liệu chính thức, bộ chỉ số hoàn toàn có thể tích hợp vào chương trình điều tra xã hội học định kỳ và các báo cáo thực hiện Chương trình nghị sự 2030 (SDGs), nhất là các mục tiêu về con người, bình đẳng và thể chế. Việc này không chỉ góp phần hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu quốc gia, mà còn giúp Việt Nam nâng cao năng lực theo dõi tiến bộ phát triển bền vững dưới góc độ giá trị phi vật chất – một khía cạnh còn thiếu trong các thước đo hiện nay.

Chủ nhiệm nhiệm vụ

Triệu Thanh Quang